TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-PT
Ngày 23-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hoàng

Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 14/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện M, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện M tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị C là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Thị C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện M tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Bà Hà Thị T1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Th (sau đây gọi tắt là bà Th) kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 02 tháng. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Th.

Ông và bà Th có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 10/8/2019, bà Th đang nuôi con chung. Nay ông đồng ý giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Ông và bà Th có tài sản chung, gồm: 05 chỉ vàng 24k loại 9999 do cha mẹ của ông cho trong ngày cưới (bà Th đang quản lý); 07 chỉ vàng 24k loại 9999 do ông và bà Th cùng tạo lập trong quá trình chung sống (bà Th đang quản lý); 01 xe máy hiệu Future Neo biển số 67N1-4878 mua của bà Nguyễn Thị Bé E với giá 24.000.000 đồng nhưng chưa sang tên, giá trị hiện nay là 22.000.000 đồng (bà Th đang quản lý và sử dụng); 02 dàn máy may mua giá 15.000.000 đồng (ông đang quản lý).

Nay ông yêu cầu giải quyết tài sản chung như sau: Giao xe máy hiệu Future Neo cho bà Th sở hữu, bà Th trả cho ông 11.000.000 đồng; giao 02 dàn máy may cho bà Th sở hữu, bà Th trả cho ông 7.500.000 đồng; bà Th được sở hữu 05 chỉ vàng 24k loại 9999 (bà Th đang quản lý); bà Th trả cho ông 06 chỉ vàng 24k loại 9999.

Theo đơn phản tố, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Th trình bày:

Bà thống nhất ý kiến của ông T về hôn nhân, quá trình chung sống và con chung. Nay bà đồng ý ly hôn, đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: 01 xe máy hiệu Future Neo biển số 67N1-4878, giá trị hiện nay là 20.000.000 đồng nhưng bà đã cầm cố cho bà Hà Thị T1 (sau đây gọi tắt là bà T1) để vay số tiền 15.000.000 đồng; 02 dàn máy may, giá trị hiện nay là 10.000.000 đồng, ông T đang quản lý; 01 máy giặt, giá trị hiện nay là 2.500.000 đồng, ông T đang quản lý; số tiền thưởng của ông T 25.000.000 đồng, ông T đang quản lý; 01 chiếc nhẫn 2,7 chỉ vàng 18k, giá trị hiện nay là 8.000.000 đồng, ông T đang quản lý; 180 con gà, giá trị hiện nay là 20.000.000 đồng, ông

T đang quản lý; 01 tủ đựng quần áo, giá trị hiện nay là 4.000.000 đồng, ông T đang quản lý. Nay bà yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Về nợ chung: Nợ bà Võ Thị Đ (sau đây gọi tắt là bà Đ) số tiền 4.000.000 đồng; nợ bà T1 số tiền 15.000.000 đồng. Nay yêu cầu ông T cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Đ trình bày:* Bà là mẹ của bà Th, trong thời gian ông T và bà Th chung sống, bà cho bà Th mượn số tiền 4.000.000 đồng vào tháng 11 âm lịch năm 2020, không lập văn bản. Nay bà không yêu cầu độc lập trong vụ tranh chấp ly hôn giữa ông T và bà Th.

- *Bà T1 trình bày:* Bà Th có vay của bà số tiền 15.000.000 đồng và có cầm cố cho bà 01 xe máy hiệu Future Neo biển số 67N1-4878. Nay bà không yêu cầu độc lập trong vụ tranh chấp ly hôn giữa ông T và bà Th. Nếu bà Th hoặc ông T trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng thì bà cho nhận lại xe.

- *Bà E trình bày:* Bà có bán 01 xe máy hiệu Future Neo biển số 67N1-4878 cho ông T và bà Th, có lập giấy mua bán nhưng chưa sang tên quyền sở hữu. Nay bà xác định không liên quan đến vụ tranh chấp giữa ông T và bà Th.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2022/HNGĐ-ST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà Th.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 57 ngày 17/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh An Giang cấp cho ông T và bà Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 10/8/2019. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 3/2022 đến khi con chung thành niên và lao động được.

Bà Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Th.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về yêu cầu chia 06 chỉ vàng 24k loại 9999.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về yêu cầu chia 05 chỉ vàng 24k loại 9999. Buộc bà Th có trách nhiệm trả cho ông T 2,5 chỉ vàng 24k loại 9999.

- Giao cho bà Th được tiếp tục quản lý, sử dụng xe máy biển số 67N1-4878. Ông T có nghĩa vụ giao bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 069908 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp và bà Th có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sở hữu theo quy định.

- Buộc bà Th có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch tài sản chung chia cho ông T là 10.000.000 đồng.

- Công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà Th đối với máy giặt nhãn hiệu Toshiba.

- Buộc ông T có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch tài sản chung chia cho bà Th là 1.250.000 đồng.

Đối trừ nghĩa vụ, bà Th chỉ còn phải trả giá trị chênh lệch cho ông T số tiền 10.000.000 đồng (tiền chênh lệch xe honda 67N1-4878) - 1.250.000 đồng = 8.750.000 đồng.

- Công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà Th đối với 2,7 chỉ vàng 18k. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho bà Th 1,35 chỉ vàng 18k.

- Đình chỉ yêu cầu cầu khởi kiện của ông T đối với bà Th về 01 chỉ vàng 24k loại 9999 (trong số 07 chỉ vàng 24k) và 02 dàn máy may.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Th đối với ông T về số tiền 25.000.000 đồng; 02 dàn máy may; 180 con gà và 01 tủ đựng quần áo.

4. Về nợ chung: Bà Đ, bà T1 không có đơn yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết và giành quyền khởi kiện cho bà Đ và bà T1 trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/02/2022, bà Th kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th và ông T thỏa thuận như sau:

- Về hôn nhân: Ông T và bà Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 10/8/2019. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng; thời gian cấp dưỡng Th từ tháng 3/2022 đến khi con chung thành niên và lao động được. Bà Th và gia đình của bà Th không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung:

+ Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k loại 9999 (vàng cưới, bà Th đang quản lý).

+ Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô biển số 67N1-4878, trị giá 20.000.000 đồng (bà Th đang quản lý). Ông T có nghĩa vụ giao cho bà Th bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 069908 cấp ngày 26/01/2008, số máy: 2717609, số khung: 610058, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Nữ, màu sơn: Đỏ - Xám, biển số: 67N1-4878, tên chủ xe: Nguyễn Thị Bé E. Bà Th có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký chuyển quyền sở hữu xe mô tô số máy: 2717609, số khung: 610058, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Nữ, màu sơn: Đỏ - Xám, biển số: 67N1-4878.

+ Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 dàn máy may, trị giá 7.500.000 đồng. Ông T có nghĩa vụ giao trả 01 dàn máy may cho bà Th.

+ Ông T được quyền sở hữu, sử dụng 01 dàn máy may, trị giá 7.500.000 đồng (ông T Đđang quản lý).

+ Ông T được quyền sở hữu, sử dụng 01 máy giặt hiệu Toshiba, trị giá 2.500.000 đồng (ông T Đđang quản lý).

+ Ông T được quyền sở hữu, sử dụng 2,7 chỉ vàng 18k (ông T đang quản lý).

- Về tài sản riêng: Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 tủ đựng quần áo. Ông T có nghĩa vụ giao trả 01 tủ đựng quần áo cho bà Th.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật sư Lê Thị Chung trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà Th thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà Th.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa Bản án sơ thẩm số: 05/2022/HNGĐ-ST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Bà Th nộp đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà Th thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông T và bà Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 10/8/2019. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng; thời gian cấp dưỡng Th từ tháng 3/2022 đến khi con chung thành niên và lao động được. Bà Th và gia đình của bà Th không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung:

+ Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k loại 9999 (vàng cưới, bà Th đang quản lý).

+ Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô biển số 67N1-4878, trị giá 20.000.000 đồng (bà Th đang quản lý). Ông T có nghĩa vụ giao cho bà Th bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 069908 cấp ngày 26/01/2008, số máy: 2717609, số khung: 610058, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Nữ, màu sơn: Đỏ - Xám, biển số: 67N1-4878, tên chủ xe: Nguyễn Thị Bé E. Bà Th có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký chuyển quyền sở hữu xe mô tô số máy: 2717609, số khung: 610058, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Nữ, màu sơn: Đỏ - Xám, biển số: 67N1-4878.

+ Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 dàn máy may, trị giá 7.500.000 đồng. Ông T có nghĩa vụ giao trả 01 dàn máy may cho bà Th.

+ Ông T được quyền sở hữu, sử dụng 01 dàn máy may, trị giá 7.500.000 đồng (ông T đang quản lý).

+ Ông T được quyền sở hữu, sử dụng 01 máy giặt hiệu Toshiba, trị giá 2.500.000 đồng (ông T đang quản lý).

+ Ông T được quyền sở hữu, sử dụng 2,7 chỉ vàng 18k (ông T đang quản lý).

- Về tài sản riêng: Bà Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 tủ đựng quần áo. Ông T có nghĩa vụ giao trả 01 tủ đựng quần áo cho bà Th.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đương sự phải chịu án phí như sau:

Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Ông T được chia tài sản chung trị giá là 10.000.000 đồng và 2,7 chỉ vàng 18k (3.903.000đ/chỉ), tổng cộng là

20.538.000 đồng nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 1.027.000 đồng.

Bà Th được chia tài sản chung trị giá là 27.500.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k (5.290.000đ/chỉ), tổng cộng là 53.950.000 đồng nên bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 2.697.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị Th.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 57 ngày 17/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị Th không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bảo T2, sinh ngày 10/8/2019. Ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng; thời gian cấp dưỡng Th từ tháng 3/2022 đến khi con chung thành niên và lao động được. Bà Nguyễn Thị Th và gia đình của bà Nguyễn Thị Th không được cản trở ông Nguyễn Trung T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con chung.

- Về tài sản chung:

+ Bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k loại 9999 (vàng cưới, bà Nguyễn Thị Th Đang quản lý).

+ Bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô biển số 67N1-4878, trị giá 20.000.000 đồng (bà Nguyễn Thị Th đang quản lý). Ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Th bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 069908 cấp ngày 26/01/2008, số máy: 2717609, số khung: 610058, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Nữ, màu sơn: Đỏ -

Xám, biển số: 67N1-4878, tên chủ xe: Nguyễn Thị Bé E. Bà Nguyễn Thị Th có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký chuyển quyền sở hữu xe mô tô số máy: 2717609, số khung: 610058, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Nữ, màu sơn: Đỏ - Xám, biển số: 67N1-4878.

+ Bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 dàn máy may, trị giá 7.500.000 đồng. Ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ giao trả 01 dàn máy may cho bà Nguyễn Thị Th.

+ Ông Nguyễn Trung T được quyền sở hữu, sử dụng 01 dàn máy may, trị giá 7.500.000 đồng (ông Nguyễn Trung T Đang quản lý).

+ Ông Nguyễn Trung T được quyền sở hữu, sử dụng 01 máy giặt hiệu Toshiba, trị giá 2.500.000 đồng (ông Nguyễn Trung T Đang quản lý).

+ Ông Nguyễn Trung T được quyền sở hữu, sử dụng 2,7 chỉ vàng 18k (ông Nguyễn Trung T Đang quản lý).

- Về tài sản riêng: Bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 tủ đựng quần áo. Ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ giao trả 01 tủ đựng quần áo cho bà Nguyễn Thị Th.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trung T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Trung T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 1.027.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí ông Nguyễn Trung T phải chịu là 1.627.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.512.000 đồng (một triệu năm trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0007572 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, ông Nguyễn Trung T còn phải nộp thêm số tiền 115.000 đồng (một trăm mười lăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 2.697.000 đồng (hai triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.593.750 đồng (một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 0009570 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, bà Nguyễn Thị Th còn phải nộp thêm số tiền 1.103.250 đồng (một triệu một trăm lẻ ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Th được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0010293 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã K;
- Tòa Gia đình và Người chưa thành niên;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ